

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ TÚ
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/DS-ST

Ngày: 08 - 9 - 2023.

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ TÚ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Anh Tuấn.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Lý Thanh Chiều.

Ông Sơn Thanh Bình.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Thanh Quốc – Thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Triệu Thị Mộng Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 99/2022/TLST-DS ngày 16 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2023/QĐXXST - DS ngày 01 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng Thương mại cổ phần Bưu Điện L2**

Địa chỉ: Tầng A, 3, 4, 5, 6 Tòa nhà T, số B Đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Doãn S, sinh năm 1967. Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện tham gia tố tụng: Ông **Trần Da B** - Chức vụ: Chuyên viên Khách hàng Ngân hàng TMCP L2 – Phòng G (*Có mặt*).

Địa chỉ phòng giao dịch: Số A, Đường H, ấp C, Thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:* 1/ Ông **Phạm Văn T**, sinh năm 1961. (*vắng mặt*)

2/ Bà **Phạm Thị L**, sinh năm 1989. (*vắng mặt*)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã M, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện lập ngày 12-9-2022, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trần Da B trình bày:

Ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L vay vốn tại Ngân hàng Thương mại cổ phần () Bưu Điện L2 – Chi nhánh S1 (sau đây gọi tắt là Ngân hàng), số A H, ấp C, thị trấn H, huyện M, tỉnh Sóc Trăng, theo hợp đồng sau đây: Hợp đồng tín dụng số HDTD37B202000437, ký ngày 16-11-2020, cụ thể như sau:

Số tiền vay: 100.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng*);

Thời hạn cho vay là: 11 tháng;

Phương thức cho vay: Từng lần;

Kỳ hạn trả gốc: Trả cuối kỳ.

Kỳ hạn trả nợ lãi: Trả định kỳ 03 tháng/lần, vào ngày 25, kỳ trả đầu tiên ngày 25-12-2020, không ân hạn.

Ngày trả nợ cuối cùng: 15-10-2021.

Mục đích sử dụng vốn: Trồng lúa, nuôi bò thịt.

Lãi suất cho vay: 14%/năm.

Phương thức điều chỉnh lãi suất: Theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ.

Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn.

Tài sản bảo đảm:

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là tài sản tại Hợp đồng tín dụng số HDTD37B202000437 ký ngày 16-11-2020, cụ thể như sau:

Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0831923, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00050QSDĐ.... Cơ quan cấp: Ủy ban nhân dân huyện T. Cấp ngày 13 tháng 05 năm 1995. Tuy nhiên, giữa Ngân hàng và người vay không ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà Ngân hàng chỉ giữ bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L.

Quá trình thực hiện Hợp đồng ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 và phía Ngân hàng cũng đã nhiều lần đến nhà đôn đốc, gửi thông báo nợ quá hạn cũng như lập biên bản làm việc nhưng ông T và bà L vẫn không thanh toán nợ.

Cụ thể, là ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L đã vi phạm khoản 7.1 thuộc Điều 7 tại hợp đồng tín dụng số HDTD37B202000437 ký ngày 16-11-2020. Khách hàng đã không thanh toán nợ từ ngày 15-10-2021, với tổng số tiền tạm tính đến ngày 08-9-2023 (Ngày xét xử sơ thẩm) là 145.142.243 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi ba đồng*). Trong đó: Gốc quá hạn: 100.000.000 đồng; lãi trong hạn: 4.310.255 đồng; lãi quá hạn: 40.831.988 đồng.

Tại phiên tòa, người đại diện cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 yêu cầu Tòa án buộc ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tạm tính đến ngày 08-

9-2023 (Ngày xét xử sơ thẩm) là 145.142.243 đồng (Bằng chữ: Một trăm bốn mươi lăm triệu, một trăm bốn mươi hai nghìn, hai trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó: Gốc quá hạn: 100.000.000 đồng; lãi trong hạn: 4.310.255 đồng; lãi quá hạn: 40.831.988 đồng và yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09-9-2023 cho đến khi tất toán khoản vay theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng. Sau khi ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L tất toán hết khoản nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng sẽ hoàn trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0831923 do UBND huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Phạm Văn T cấp ngày 13-5-1995.

Ngoài ra, người đại diện cho Ngân hàng không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp mà việc xử lý tài sản thế chấp Ngân hàng sẽ yêu cầu trong giai đoạn thi hành án.

- Sau khi Tòa án thụ lý vụ án có tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện cho ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L theo đúng địa chỉ ghi trên hợp đồng đã ký với Ngân hàng, ông T là người nhận trực tiếp. Tại biên bản lấy lời khai ngày 18-8-2023 bà Trần Thị Kiều O là vợ ông Phạm Văn T trình bày: Do điều kiện kinh tế khó khăn nên ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L đi làm thuê tại Bình Dương kiếm tiền, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án thì ông T không nghỉ làm được nên ông T và bà L không thể về tham gia giải quyết vụ án theo giấy triệu tập của Tòa án. Tuy nhiên ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L cũng đồng ý trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Theo Hợp đồng tín dụng số HDTĐ37B202000437 ký ngày 16-11-2020 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 - Phòng G đã giải ngân cho ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L để vay số tiền 100.000.000 đồng. Kỳ hạn trả nợ: Kỳ hạn trả gốc: Trả cuối kỳ, Kỳ hạn trả nợ lãi: Trả định kỳ 03 tháng/lần, vào ngày 25, kỳ trả nợ đầu tiên ngày 25-12-2020. Nhưng trong quá trình thực hiện hợp đồng ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L vi phạm nghiêm trọng hợp đồng đã ký kết nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do, vì vậy

Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông T và bà L.

[2] Về nội dung vụ án: Theo Hợp đồng tín dụng số HDTD37B202000437, ký ngày 16-11-2020, thể hiện ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L có vay của Ngân hàng TMCP L2 - Phòng G (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) cụ thể như sau: Số tiền vốn vay: 100.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm triệu đồng*); Thời hạn cho vay là: 11 tháng; Phương thức cho vay: Từng lần; Kỳ hạn trả gốc: Trả cuối kỳ. Kỳ hạn trả nợ lãi: Trả định kỳ 03 tháng/lần, vào ngày 25, kỳ trả đầu tiên ngày 25-12-2020, không ân hạn. Mục đích sử dụng vốn: Trồng lúa, nuôi bò thịt. Lãi suất cho vay: 14%/năm. Phương thức điều chỉnh lãi suất: Theo quy định của Ngân hàng từng thời kỳ. Lãi suất phạt quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn. Tài sản bảo đảm: Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên là tài sản tại Hợp đồng tín dụng số HDTD37B202000437 ký ngày 16-11-2020, cụ thể như sau: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D0831923, vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 00050QSDĐ. Cơ quan cấp: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Sóc Trăng, cấp ngày 13 tháng 05 năm 1995 cho hộ ông Phạm Văn T. Trong quá trình giao dịch ông T và bà L có trả cho Ngân hàng vốn lãi theo hợp đồng tính đến ngày 15-10-2021 thì ngưng nên phát sinh lãi quá hạn từ ngày 15-10-2021 cho đến nay.

[3] Xét thấy, ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L đã thụ hưởng quyền lợi là nhận số tiền vay 100.000.000 đồng từ Ngân hàng, nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho Ngân hàng theo như thỏa thuận về phương thức trả nợ quy định tại Điều 4 của hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Vì ông T và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ ngày 15-10-2021 cho đến nay, nên việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông T và bà L thanh toán toàn bộ số tiền vốn gốc và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn là có căn cứ phù hợp với mục 7.1 Điều 7 của Hợp đồng và quy định tại khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015 và Điều 7, khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Theo bảng kê gốc, lãi tạm tính mà Ngân hàng cung cấp thì số tiền ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L còn nợ Ngân hàng tính đến ngày 08-9-2023 (ngày xét xử sơ thẩm) số tiền là 145.142.243 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu một trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền gốc: 100.000.000 đồng, lãi trong hạn: 4.310.255 đồng, lãi quá hạn: 40.831.988 đồng. Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L trả cho Ngân hàng tổng số tiền vốn lãi tính đến ngày 08-9-2023 là 145.142.243 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu một trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng) và yêu cầu ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L phải trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 09-9-2023 cho đến khi tất toán nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số HDTD37B202000437 ký ngày 16-11-2020 là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về tài sản đảm bảo cho khoản vay nêu trên: Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng TMCP L2 thay đổi một phần nội dung khởi kiện là

không yêu cầu xử lý tài sản thế chấp mà việc xử lý tài sản thế chấp Ngân hàng sẽ yêu cầu trong giai đoạn thi hành án. Xét thấy, việc thay đổi một phần nội dung khởi kiện của Ngân hàng là không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 không phải chịu án phí. Ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L cùng chịu án phí đối với yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận là: $145.142.243 \text{ đồng} \times 5\% = 7.257.112 \text{ đồng}$ (Bảy triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm mười hai đồng).

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 và khoản 5 Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 7; khoản 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Buộc ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 tổng số tiền vốn lãi là 145.142.243 đồng (Một trăm bốn mươi lăm triệu một trăm bốn mươi hai nghìn hai trăm bốn mươi ba đồng). Trong đó: Số tiền gốc: 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng), lãi trong hạn: 4.310.255 đồng (bốn triệu, ba trăm mười nghìn, hai trăm năm mươi lăm đồng), lãi quá hạn: 40.831.988 đồng (bốn mươi triệu, tám trăm ba mươi một nghìn, chín trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ ngày 09-9-2023 cho đến khi ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L1 thanh toán hết nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 thì hàng tháng ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L còn phải chịu tiền lãi phát sinh trên số vốn gốc còn nợ theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD37B202000437 ký ngày 16-11-2020.

Trong trường hợp ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L tắt toán hết khoản nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 thì Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 có nghĩa vụ hoàn trả lại cho ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành D 0831923 do UBND huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp cho hộ ông Phạm Văn T vào ngày 13-5-1995.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

2.1/ Ông Phạm Văn T và bà Phạm Thị L phải chịu số tiền án phí là 7.257.112 đồng (Bảy triệu, hai trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm mười hai đồng).

2.2/ Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 không phải chịu án phí. Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần L2 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.025.000 đồng (Hai triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005278, ngày 11-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

3/ Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn nêu trên được tính kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày niêm yết hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Phòng KTNV-THA TAND tỉnh ST;
- Các đương sự;
- Lưu HS-VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Anh Tuấn